|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 49/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018* |

**­­­­­**

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 30/11/2018 đến ngày 06/12/2018*)

**Phần thứ 1**

TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Ngô đông | Trỗ cờ - Phát triển bắp | 60.639 |
| - Rau họ hoa thập tự | Phát triển thân lá- thu hoạch | 19.265 |
| - Cà chua | PTTL - hoa, quả | 969 |
| - Khoai tây | PTTL - đâm tia, phát triển củ | 8.235 |
| - Lạc | Hoa - phát triển củ | 2.432 |
| - Đậu tương | Phân cành - hoa, quả non | 5.424 |
| - Cam, quýt, bưởi | Phát triển quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | PT lộc - chăm sóc | 74.805 |
| - Mía | Tích lũy đường - thu hoạch | 14.128 |
| - Sắn | Phát triển củ - thu hoạch | 42.060 |
| - Chè | Phát triển búp - thu hái | 92.500 |
| - Cà phê | KTCB - phát triển quả | 23.798 |
| - Cao su | Kiến thiết cơ bản | 24.337 |
| - Tre, luồng, vầu | Kinh doanh | 3.200 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| **- Mạ Đông - Xuân** | Gieo- Mũi chông | 12,7 |
| - Ngô | Gieo - Cây con - trỗ cờ | 18.967 |
| - Cây lạc | PT củ | 1.948 |
| - Rau các loại | Cây con - PT thân lá - TH | 15.492 |
| - Cam, chanh, bưởi | Quả già – thu hoạch | 22.433 |
| - Mía | Vươn lóng | 54.208 |
| - Hồ tiêu | Thu hoạch | 3.656,5 |
| - Cà phê | PT quả | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 79.631 |
| - Chè | KTCB - KD | 11.538 |
| - Cây sắn | PT thân lá, củ | 44.073 |
| - Luồng | KTCB - KD | 83.756 |
| - Đậu các loại | Thu hoạch | 8.428 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | **74.195** |
| *Lúa Mùa* | *Đòng trỗ - chín - Thu hoạch* | *72.645* |
| *Lúa Thu Đông* | *Trỗ - chín - Thu hoạch* | *1.550* |
| *Lúa Đông Xuân sớm* | *Gieo sạ - Mạ - 3 lá* | *5.407* |
| - Cây cà phê | Chín - Thu hoạch | 626.932 |
| - Tiêu | Nuôi quả | 96.995 |
| - Cây điều | Ra hoa, lộc non | 116.205 |
| - Cao su | Khai thác mủ | 295.631 |
| - Cây rau màu | Nhiều giai đoạn | 49.872 |
| - Đậu đỗ vụ | Quả non - Chắc quả - TH | 17.882 |
| - Lạc vụ | Quả non - Chắc quả - TH | 6.508 |
| - Ngô vụ | Trổ cờ, thâm râu - TH | 75.426 |
| - Cây sắn | Nuôi củ - Thu hoạch | 231.602 |
|  | Cây con | 2.296 |
| - Mía | Tạo đường - Chín sinh lý | 107.616 |
| - Thanh Long | Nuôi quả - Trái chín | 28.916 |
| - Sầu riêng | Chăm sóc, trồng mới | 11.282 |
| - Cây chè | Thu hoạch | 13.691 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa Thu Đông - Mùa 2018 |  | **963.398** |
|  | Đẻ nhánh | 28.240 |
|  | Đòng-trỗ | 194.374 |
|  | Chín | 189.806 |
|  | Thu hoạch | 550.972 |
| - Lúa Đông–Xuân 2018- 2019 | *Mạ - đẻ nhánh* | **971.038** |
| - Cây ngô | Các giai đoạn | 22.646 |
| - Cây có múi | Nuôi quả - thu hoạch | 102.165 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 19.374 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, PT thân lá | 29.078 |
| - Cây cà phê | Ra hoa – nuôi quả | 20.979 |
| - Cây hồ tiêu | PT quả – nuôi quả | 50.300 |
| - Cây điều | PT ra lộc – PT quả | 182.758 |
| - Cây dừa | PT quả – thu hoạch | 151.629 |
| - Cây sắn | Phát triển củ – thu hoạch | 40.224 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh – vươn lóng | 26.816 |

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 4.291 ha (tăng 1.118 ha so với kỳ trước, tăng 1.767 ha so với CKNT), nhiễm nặng 20 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh An Giang, Long An, Bạc Liêu, Hậu Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng…

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 6.981 ha (giảm 2.891 ha so với kỳ trước, giảm 2.848 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Đồng Nai, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh…

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 2.234 ha (giảm 411 ha so với kỳ trước, giảm 756 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Tháp, Đồng Nai, Khánh Hòa, An Giang, Sóc Trăng, …

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 3.906 ha (giảm 621 ha so với kỳ trước, giảm 2.212 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Nam Bộ.

***- Bệnh khô vằn:*** Diện tích nhiễm 1.144 ha (giảm 207 ha so với kỳ trước, giảm 1.155 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, Sóc Trăng, …

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 4.853 ha (giảm 1.788 ha so với kỳ trước, giảm 1.788 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 2.460 ha (giảm 1.583 ha so với kỳ trước, giảm 1.425 ha so với CKNT). Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

***- Chuột****:* Diện tích hại 2.666 ha (giảm 492 ha so với kỳ trước, giảm 673 ha so với CKNT), nặng 01 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

***- Ốc bươu vàng****:* Diện tích hại 3.805 ha (tăng 1.654 ha so với kỳ trước, tăng 1.615 ha so với CKNT), nhiễm nặng 30 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: sâu đục thân (276 ha), Bọ trĩ (1.548 ha), sâu năn (15 ha), bệnh vàng lá sinh lý (511 ha) …

**1.2. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy… gây hại nhẹ đến trung bình.

**1.3. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 4.253 ha (giảm 38 ha so với kỳ trước, giảm 1.030 ha so với CKNT), nhiễm nặng 627 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

**1.4. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 3.867 ha (giảm 101 ha so kỳ trước, giảm 1.541 ha so với CKNT), nhiễm nặng 03 ha, phòng trừ 3.926 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.5. Cây ăn quả có múi:** Bệnh Greening diện tích nhiễm 2.572 ha (giảm 05 ha so với kỳ trước, giảm 548 ha so với CKNT), nặng 44 ha, phòng trừ 2.578 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Bình Phước, Nghệ An.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 9.875 ha (tăng 30 ha so với kỳ trước, giảm 611 ha so với CKNT), nặng 815 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh…

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 4.256 ha (tăng 90 ha so với kỳ trước, giảm 2.284 ha so với CKNT), nhiễm nặng 622 ha, phòng trừ 850 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 5.145 ha (giảm 68 ha so với kỳ trước, giảm 840 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.029 ha, phòng trừ 4.885 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Dương, Phú Yên, Khánh Hòa…

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 3.584 ha (tăng 846 ha so với kỳ trước, tăng 1.471 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.348 ha, mất trắng 9,6 ha, phòng trừ 5.065 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Lâm Đồng...

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 12.230 ha (giảm 1.566 ha so với kỳ trước, giảm 3.867 ha so CKNT), nhiễm nặng 60 ha, phòng trừ 11.272 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 9.401 ha (giảm 366 ha so với kỳ trước, giảm 224 ha so CKNT), nhiễm nặng 60 ha, phòng trừ 10.202 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Gia Lai...

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 3.518,5 ha (giảm 706 ha so với kỳ trước, tăng 1.322,5 ha so với CKNT), nhiễm nặng 820 ha, phòng trừ 2.284 ha. Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.9. Cây chè: *Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 2.202 ha (giảm 127 ha so với kỳ trước, giảm 795 ha so với CKNT), phòng trừ 1.519 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Gia Lai…

**1.10. Cây mía:**

***- Bệnh chồi cỏ:*** Diện tích nhiễm 1.023 ha (giảm 369 ha so với kỳ trước, giảm 2.454 ha so với CKNT), nặng 436,5. Tập trung tại tỉnh Nghệ An.

***- Bệnh trắng lá:*** Diện tích nhiễm 763 ha (giảm 573 ha so với kỳ trước, tăng 676 ha so với CKNT), nhiễm nặng 104,5 ha. Tập trung tại tỉnh Khánh Hòa, Gia Lai.

**1.12. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 12.599,4 ha (tăng 101,4 ha so với kỳ trước, tăng 6.596 ha so với CKNT), nhiễm nặng 4.547,2 ha.

Bệnh xuất hiện và gây hại tại 14 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Phú Yên, Kon Tum và Lâm Đồng.

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh trồng sắn trong cả nước, đặc biệt các tỉnh đã phát hiện bệnh khảm lá sắn thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn và công văn số 3096/BVTV-TV ngày 15/11/2018 về việc phòng chống bệnh khảm lá sắn giai đoạn đầu vụ; Chú trọng khâu tiêu hủy nguồn bệnh, phun trừ bọ phấn, sản xuất giống sạch bệnh, kiểm soát lưu thông giống nhằm hạn chế thấp nhất sự lây lan của nguồn bệnh.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục theo dõi diễn biến của rầy nâu vào đèn, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống vụ Đông – Xuân 2018-2019 “né rầy” hiệu quả. Lấy mẫu, kiểm tra, xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus VL, LXL phục vụ công tác chỉ đạo. Thực hiện tốt văn bản số 4239/BNN-BVTV, ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL, LXL hại lúa.

- Chỉ đạo tỉnh Đồng Tháp tiếp tục rà soát, theo dõi sát các diện tích nhiễm bệnh trên quýt hồng để chủ động các biện pháp phòng chống kịp thời.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu; bệnh khô cành trên cây cà phê; sâu đục thân/cành, bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng; bệnh đốm nâu hại thanh long; bệnh chổi rồng hại nhãn; bọ cánh cứng hại dừa; bệnh trắng lá mía…

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1.1. Các tỉnh phía Bắc**

- **Trên cây ngô và rau, màu**: bệnh huyết dụ, bệnh lùn sọc đen, sâu đục thân có xu hướng gây hại tăng, các đối tượng như sâu xám, sâu cắn lá,chuột, bệnh đốm lá, … gây hại nhẹ trên cây ngô; bọ nhảy, sâu xanh, sâu khoang, bọ trĩ, rệp, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn vi khuẩn... gây hại nhẹ đến trung bình trên rau màu.

**- Cây ăn quả có múi** (cam, quýt, bưởi):Ruồi đục quả, nhện đỏ, rệp sáp, sâu vẽ bùa.... tiếp tục hại; Bệnh chảy gôm, bệnh loét, bệnh sẹo, bệnh rụng quả ... tiếp tục gây hại trên các vườn cây già cỗi chăm sóc kém và phòng trừ không tốt.

**- Cây nhãn, vải:** Sâu cuốn tổ, nhện lông nhung, sâu đo … hại nhẹ.

**- Cây chè**: Bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, rầy xanh, bệnh thối búp ... tiếp tục hại.

**- Cây mía**: Bệnh chồi cỏ tiếp gây hại tại những ruộng chưa được tiêu hủy hoặc tiêu hủy chưa triệt để tại Nghệ An; Bọ hung đen tiếp tục gây hại ở vùng mía ven sông, trên chân đất cát pha và đất thịt nhẹ tại Thanh Hóa, mức độ nhẹ đến trung bình, nặng cục bộ; Sâu đục thân, rệp xơ trắng, bệnh than … tiếp tục gây hại nhẹ.

**- Cây sắn**: Nhện đỏ hại, bệnh khảm lá, bệnh chổi rồng, chảy nhựa... tiếp tục hại.

**- Cây cà phê**: Bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, bệnh khô quả, mọt đục quả, xén tóc đục thân, rệp, bệnh khô quả, bệnh thán thư... tiếp tục hại.

**- Cây hồ tiêu:** Bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh thán thư, bệnh chết chậm, rệp các loại... tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cây nhiễm bệnh chưa được phòng trừ.

***1.2. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

**- Cây lúa:** Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh đen lép hạt... gây hại cục bộ trên lúa giai đoạn ngậm sữa đến chín; ruồi đục nõn, bọ trĩ hại nhẹ rải rác trên lúa Đông Xuân sớm ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh. Chuột, OBV gây hại nhẹ.

**- Cây ngô, rau, màu:**

+ Sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, rệp, bệnh phấn trắng, bệnh mốc sương, bọ trĩ, bệnh héo xanh, bệnh thán thư, sâu đục quả, nhện đỏ, sâu xám, bệnh lỡ cổ rễ... phát sinh hại nhẹ.

+ Bệnh xoăn lá virus cà chua, bệnh sưng rễ, bệnh thối nhũn trên rau họ thập tự ...tiếp tục gây hại ở Lâm Đồng.

+ Sâu xanh, sâu đục thân/bắp, bệnh khô vằn... gây hại chủ yếu trên ngô ở giai đoạn thâm râu.

**- Cây cà phê**: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên cà phê chè ở Lâm Đồng; rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại ở giai đoạn chắc quả - thu hoạch.

- **Cây hồ tiêu**: Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp... gây hại chủ yếu ở giai đoạn nuôi quả.

- **Cây điều**: Bọ xít muỗi, sâu đục rộp lá, sâu đục thân/cành, bệnh thán thư, bệnh khô cành...gia tăng hại mạnh ở giai đoạn phân hóa chồi hoa, lộc non.

- **Cây mía**: Bệnh trắng lá, sâu non bọ hung, sâu non xén tóc...tiếp tục gây hại cục bộ tại vùng ổ dịch. Sâu đục thân, rệp bẹ, bệnh than, bệnh đốm vòng...phát sinh gây hại ở giai đoạn tích lũy đường đến chín sinh lý.

- **Cây sắn**: Bệnh khảm lá tiếp tục gây hại các tỉnh trồng sắn ở Phú Yên, Gia Lai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk và Lâm Đồng; rệp sáp bột hồng đang gây hại ở Phú Yên và có khả năng tái xuất hiện và gây hại tại các địa phương đã từng phát hiện trước đây.

- **Cây sầu riêng***:* Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...gây hại nhẹ.

**- Cây chè:** Bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh phồng lá tiếp tục gây hại.

- **Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu, thán thư, thối rễ tóp cành phát sinh gây hại.

- **Cây dừa:** Bọ cánh cứng, bệnh thối nõn... tiếp tục gây hại.

***1.3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long***

**- Trên cây lúa**

+ Rầy nâu: phổ biến tuổi 1-3, gây hại chủ yếu ở mức nhẹ đến trung bình ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ. Rầy trưởng thành vẫn còn di trú nhưng không tập trung do lúa Thu Đông đang vào cuối vụ. Các tỉnh kiểm tra kỹ ruộng lúa, khuyến cáo nông dân không nên phun thuốc trừ rầy nâu di trú, chỉ phun khi mật số rầy cám nở rộ, tập trung ở tuổi 2-3 xử lý bằng thuốc chống lột xác.

*Những khu vực chuẩn bị xuống giống lúa Đông Xuân:* cần làm đất kỹ, xuống giống đồng loạt, né rầy theo khuyến cáo của ngành nông nghiệp tại địa phương.

+ Bệnh đạo ôn lá: tiếp tục phát triển và gây hại trên trà lúa Đông Xuân sớm và trà lúa Mùa trong điều kiện thời tiết chuyển lạnh dần, sáng sớm có sương mù nhẹ. Khi bệnh chớm xuất hiện có thể sử dụng một trong các loại thuốc đặc trị theo “4 đúng”.

+ Ngoài ra, cần lưu ý các đối tượng OBV trên lúa giai đoạn mạ, làm đòng; bệnh bạc lá ở giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng; bệnh đen lép hạt và chuột ở giai đoạn đòng trỗ đến chín. Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại thấp.

**- Cây sắn**: bệnh khảm lá do virus tiếp tục gây hại.

**- Cây nhãn**: bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại nhiễm.

**- Cây thanh long**: bệnh đốm nâu tiếp tục gây hại.

**- Cây hồ tiêu**: bệnh chết nhanh, chết chậm tiếp tục gây hại tăng.

**- Cây điều**: sâu đục thân/cành, bệnh thán thư tiếp tục tăng.

**- Cây dừa**: bọ cánh cứng tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Hướng dẫn nông dân chủ động chống rét, chống úng cho mạ khi có mưa lớn xảy ra. Không xuống giống vào những ngày rét đậm, rét hại.

- Kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến bệnh lùn sọc đen gây hại trên cây ngô. Nhổ bỏ và tiêu hủy những cây bị bệnh. Thực hiện tốt công văn số 1857/BVTV-TV ngày 15 tháng 8 năm 2017 và công văn số 3228/BNN-BVTV ngày 5 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn một số biện pháp cơ bản phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại ngô.

- Kiểm tra, rà soát để phát hiện sớm bệnh khảm lá hại sắn. Thực hiện các biện pháp phòng chống triệt để nếu phát hiện.

- Tiếp tục theo dõi xác định địa điểm đẻ trứng của châu chấu tre lưng vàng.

- Theo dõi SVGH trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp. Tổ chức phun phòng, chống cho những nơi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao.

**2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

***- Trên lúa:***

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn... gây hại ở giai đoạn lúa ngậm sữa đến chín; Bọ trĩ, sâu năn, dòi đục nõn... gây hại trên lúa Đông Xuân ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

+ Nắm bắt kế hoạch sản xuất, điều tra, theo dõi SVGH chuyển vụ kết hợp theo dõi trưởng thành vào đen để làm tốt công tác dự tính dự báo SVGH vụ Đông Xuân 2018-2019.

+ Tổ chức ra quân diệt chuột, OBV. Theo dõi trưởng thành vào đèn để làm tốt công tác dự tính dự báo SVGH, chủ động xây dựng phương án chỉ đạo chăm sóc và bảo vệ tốt sản xuất ngay từ đầu vụ.

***- Trên cây sắn:***

Đối với bệnh khảm lá sắn: Đề nghị các tỉnh trong vùng thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá hại sắn; công văn số 3096/BVTV-TV ngày 15/11/2018 về việc phòng chống bệnh khảm lá sắn giai đoạn đầu vụ. Áp dụng các biện pháp phòng chống phù hợp theo qui trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn của Cục Bảo vệ thực vật; kịp thời tiêu hủy nguồn bệnh, phun trừ bọ phấn, sản xuất giống sạch bệnh, ngăn chặn vận chuyển giống đã nhiễm bệnh. Chuẩn bị nguồn giống sạch bệnh cho sản xuất.

Đối với rệp sáp bột hồng: hướng dẫn xử lý triệt để những diện tích đã nhiễm rệp sáp bột hồng đang phát sinh ở Phú Yên. Theo dõi diến biến RSBH tại các tỉnh trồng sắn.

- ***Trên cây công nghiệp***: Theo dõi và chỉ đạo phòng chống bọ xít muỗi trên cà phê chè ở Lâm Đồng, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt...trên cà phê; Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng hại rễ...trên cây tiêu; Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh thán thư, bệnh khô cành,... hại trên cây điều.

- ***Trên cây ăn quả***: Theo dõi diễn biến bệnh đốm nâu, thối rễ tóp cành, thối quả,... hại trên cây thanh long; Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...hại trên cây sầu riêng.

- ***Trên cây mía***: Tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống và xử lý bệnh trắng lá mía ở các tỉnh Khánh Hòa, Gia Lai theo quy trình của Cục BVTV, tránh để lây lan diện rộng.

Tổ chức phòng chống kịp thời những diện tích có mật độ sâu và tỷ lệ bệnh cao, hạn chế lây lan diện rộng.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

***- Trên lúa:***

+ Theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng SVGH trên lúa Thu Đông – Mùa 2018 và lúa Đông Xuân sớm 2018 - 2019. Tăng cường theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy nâu nâu, kiểm tra tỷ lệ rầy mang mầm bệnh trên các trà lúa Thu Đông – Mùa 2018, lúa Đông Xuân 2018 – 2019 sớm nhằm quản lý tốt rầy nâu trên đồng rộng và hạn chế khả năng di trú truyền virus gây bệnh VL, LXL cho lúa Đông Xuân chính vụ. Đồng thời, thực hiện tốt văn bản số 4239/BNN-BVTV, ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL,LXL hại lúa.

Tiếp tục theo dõi diễn biến rầy nâu vào đèn để điều chỉnh lịch xuống giống Đông Xuân cho phù hợp.

***- Trên cây sắn:*** Theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy kịp thời, triệt để các diện tích bị nhiễm bệnh nặng. Đồng thời, theo dõi diễn biến rệp sáp bột hồng trên sắn.

Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và công văn số 3096/BVTV-TV ngày 15/11/2018 về việc phòng chống bệnh khảm lá sắn giai đoạn đầu vụ; áp dụng các biện pháp phòng chống phù hợp theo qui trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn của Cục Bảo vệ thực vật; kịp thời tiêu hủy nguồn bệnh, phun trừ bọ phấn, sản xuất giống sạch bệnh, ngăn chặn vận chuyển giống đã nhiễm bệnh.

***- Trên cây ăn quả:*** Rà soát, theo dõi sát các diện tích nhiễm bệnh trên quýt hồng ở tỉnh Đồng Tháp để chủ động các biện pháp phòng chống kịp thời.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV vùng tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dừa và bọ đuôi kìm cung cấp cho các tỉnh. Chỉ đạo các tỉnh trong cả nước thực hiện tốt các văn bản: số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu và văn bản số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV;  - Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** | | 369**KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 30/11/2018 đến ngày 06/12/2018*)

| **TT** | **Tên sinh vật gây hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | | | | **DTN nhiễm so** | | **Diện tích phòng trừ (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 6.981 | 6.981 |  |  | -2.891 | -2.848 | 958 | BL, ST, LA, ĐN, TV, TG, KG |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 2.234 | 2.234 |  |  | -411 | -756 | 236 | BL, ĐT, ST, AG, KG, ĐN, KH,LĐ |
| 3 | Rầy hại lúa | 4.291 | 4.271 | 20 |  | 1.118 | 1.767 | 951 | BL, AG, ĐN, LA, HG, BT, BTH, LĐ |
| 4 | Sâu đục thân | 276 | 276 |  |  | -978 | -709 | 140 | KH, NTh, BTh, GL, LĐ, ST, BL, CM, ĐN, TN, HCM |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 2.460 | 2.460 |  |  | -1.583 | -1.425 |  | BL, ST, AG, ĐN, HG, ĐT |
| 6 | Bệnh bạc lá lúa | 4.853 | 4.853 |  |  | -1.788 | -1.788 |  | BL, ST, AG, BT, KG, TV |
| 7 | Chuột hại lúa | 2.666 | 2.665 | 1 |  | -492 | -673 |  | BL, AG, ST, BT, ĐN, LA, KG |
| 8 | Ốc bươu vàng hại lúa | 3.805 | 3.775 | 30 |  | 1.654 | 1.615 |  | ĐT, HG, HCM, VL, ĐN, CM |
| 9 | Bệnh khô vằn hại lúa | 1.144 | 1.144 |  |  | -207 | -1.155 | 558 | Nam bộ, BTh, LĐ, NTh |
| 10 | Bệnh đen lép hạt lúa | 3.906 | 3.906 |  |  | -621 | -2.212 | 609 | BL, AG, ST, KG, CM, HG |
| 11 | Chổi rồng nhãn | 4.253 | 3.626 | 627 |  | -38 | -1.030 |  | VL, CT, ST, TG, BT, HG, ĐN, VT, ĐT |
| 12 | Bệnh đốm nâu thanh long | 3.867 | 3.864 | 3 |  | -101 | -1.541 | 3.962 | BTH, LA, TG, ĐN, BRVT |
| 13 | Bệnh Greening cây có múi | 2.572 | 2.521 | 44 |  | -5 | -548 |  | VL, TG, HG, KG, BP, N.An |
| 14 | Bọ cánh cứng hại dừa | 9.875 | 9.060 | 815 |  | 30 | -611 |  | BT, CM, TV, ST, TG, KG, HG, HCM |
| 15 | Tuyến trùng hại tiêu | 4.256 | 3.634 | 622 |  | 90 | -2.284 | 850 | Glai, Đ.Lăk, Đ.Nông, LĐ |
| 16 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 5.145 | 4.116 | 1.029 |  | -68 | -840 | 4.885 | K.Hòa, GL, ĐLk, ĐN, LĐ, ĐN, VT,… |
| 17 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 3.584 | 2.201 | 1.348 | 9,6 | 846 | 1.471 | 5.065 | KH, BTh, GL, ĐLk, ĐN, LĐ |
| 18 | Bệnh khô cành cà phê | 12.230 | 12.170 | 60 |  | -1.566 | -3.867 | 11.272 | G.Lai, Đ.Lăk, L.Đồng |
| 19 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 9.401 | 9.341 | 60 |  | -366 | -224 | 10.202 | G.Lai, Đ.Lăk |
| 20 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 3.518,5 | 2.698,5 | 820 |  | -706 | 1.322,5 | 2.284 | LĐ |
| 21 | Bọ xít muỗi hại chè | 2.202 | 2.202 |  |  | -127 | -795 | 1.519 | PT, TN, YB, LĐ, GL |
| 22 | Sâu đục thân/cành điều | 953 | 953 |  |  | 538 | -658 | 466 | G.Lai, L.Đồng |
| 23 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 12.599,4 | 8.052,2 | 4.547,2 |  | 101,4 | 6.596 | 273 | TN, BP, BD, HCM, ĐN, LA, VT, PY, NTh, BTh, GL, ĐLăk, KTum, LĐồng |
| 24 | Bệnh chồi cỏ mía | 1.023 | 586,5 | 436,5 |  | -369 | -2.454 |  | Nghệ An |
| 25 | Bệnh trắng lá mía | 763 | 658,5 | 104,5 |  | -573 | 676 | 637 | K.Hòa, G.Lai |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**